

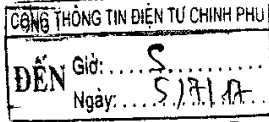
MM(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/2017/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Tổng cục Lâm nghiệp là tổ chức thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về lâm nghiệp trong phạm vi cả nước; tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục theo quy định của pháp luật.

2. Tổng cục Lâm nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy, có tài khoản riêng, kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp.

3. Trụ sở của Tổng cục Lâm nghiệp đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội; dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ; dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; cơ chế, chính sách và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục;

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm; các chương trình, dự án, đề án và công trình quan trọng quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục;

c) Quy chế quản lý rừng; tiêu chí xác định và phân loại rừng, các phân khu chức năng của rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; chuyển mục đích sử dụng rừng; cơ chế, chính sách về bảo vệ và phát triển rừng, phát triển sản xuất, thị trường tiêu thụ lâm sản, tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo quy định của pháp luật;

d) Tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy phạm kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành và tiến bộ kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

2. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

4. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục;

Hướng dẫn, kiểm tra việc điều tra rừng; kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng, tài nguyên rừng, đất trồng rừng và lập hồ sơ quản lý rừng; giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, quy hoạch nương rẫy và quản lý rừng bền vững.

5. Về bảo vệ rừng:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn việc tổ chức xây dựng lực lượng kiểm lâm phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo vệ rừng; huy động lực lượng, phương tiện của các cơ quan kiểm lâm và các bộ, ngành, địa phương để kịp thời ngăn chặn những vụ phá rừng nghiêm trọng, chữa cháy rừng trong những trường hợp cần thiết;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ, phát triển rừng và quản lý lâm sản;

c) Thống nhất quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách; quản lý trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện của lực lượng kiểm lâm;

d) Phối hợp với cơ quan bảo vệ thực vật trong phòng, trừ sinh vật hại rừng.

6. Về quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và các loài sinh vật rừng:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ; chế độ quản lý, bảo vệ và danh mục những loài thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; săn bắt động vật rừng; công bố Danh mục các loài động, thực vật hoang dã quy định tại phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

b) Hướng dẫn xây dựng hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ trên phạm vi cả nước và kiểm tra việc thực hiện;

c) Hướng dẫn việc bảo vệ hệ sinh thái rừng, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên, giáo dục môi trường, du lịch sinh thái gắn với cộng đồng trong hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ và kiểm tra việc tổ chức thực hiện;

Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biên, quá cảnh; nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật;

d) Quản lý các khu rừng đặc dụng theo phân công của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đ) Hướng dẫn việc điều tra, đánh giá động vật, thực vật và vi sinh vật đặc hữu theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan CITES Việt Nam theo phân công của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

8. Về khôi phục, phát triển rừng:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiêu chí về trạng thái các loại rừng, tiêu chí rừng trồng và rừng khoanh nuôi;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các đề án, dự án, cơ chế, chính sách, biện pháp kỹ thuật lâm sinh khôi phục, phát triển rừng; trồng cây phân tán, lâm sản ngoài gỗ; sản xuất lâm nghiệp, nông nghiệp, thủy sản kết hợp.

9. Về giống cây trồng, vật nuôi lâm nghiệp:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy chế về quản lý giống cây trồng, vật nuôi lâm nghiệp;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý giống cây trồng, vật nuôi lâm nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức các hoạt động kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng giống cây trồng, vật nuôi lâm nghiệp; cấp, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận về giống cây trồng, vật nuôi lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

10. Về sử dụng rừng:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững; quy chế khai thác gỗ và lâm sản; tổ chức các hoạt động dịch vụ môi trường rừng;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý rừng bền vững; sử dụng rừng và hoạt động dịch vụ môi trường rừng.

11. Về sản xuất, chế biến, bảo quản và thương mại lâm sản:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án phát triển sản xuất, chế biến, bảo quản lâm sản;

b) Hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp báo cáo về hoạt động sản xuất, chế biến, bảo quản lâm sản;

c) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về thương mại lâm sản theo phân công của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

12. Về môi trường rừng:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cơ chế, chính sách quản lý, hướng dẫn thực hiện Chương trình hành động quốc gia về giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý rừng bền vững và nâng cao trữ lượng các bon của rừng;

b) Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường trong lâm nghiệp theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

13. Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức sản xuất, kinh tế hợp tác, xây dựng nông thôn mới thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục theo quy định của pháp luật.

14. Quản lý dự án quy hoạch, điều tra cơ bản thuộc nhiệm vụ của Tổng cục theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

15. Tổ chức công tác thống kê và quản lý các cơ sở dữ liệu ngành lâm nghiệp.

16. Tổ chức nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và khuyến lâm theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

17. Thực hiện hợp tác quốc tế theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

18. Thực hiện cải cách hành chính theo chương trình cải cách hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

19. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế công chức, vị trí việc làm, số lượng viên chức và người lao động; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật; tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của Tổng cục theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

20. Hướng dẫn, kiểm tra đối với hoạt động của các hội và tổ chức phi chính phủ theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

21. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo thẩm quyền.

22. Quản lý tài chính, tài sản và nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật.

23. Quản lý đầu tư theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.

24. Quản lý Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và các nguồn tài chính của quốc tế hỗ trợ cho ngành lâm nghiệp theo quy định.

25. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Kế hoạch, Tài chính.
2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế.
3. Vụ Pháp chế, Thanh tra.
4. Vụ Quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ.
5. Vụ Phát triển rừng.
6. Vụ Phát triển sản xuất Lâm nghiệp.
7. Văn phòng Tổng cục.
8. Cục Kiểm lâm.

9. Cơ quan quản lý CITES Việt Nam (có Đại diện CITES phía Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh).

10. Vườn quốc gia Tam Đảo.
11. Vườn quốc gia Ba Vì.
12. Vườn quốc gia Cúc Phương.
13. Vườn quốc gia Bạch Mã.
14. Vườn quốc gia Cát Tiên.
15. Vườn quốc gia YokDon.

Các tổ chức quy định từ khoản 1 đến khoản 9 Điều này là các tổ chức giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức quy định từ khoản 10 đến khoản 15 Điều này là các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tổng cục.

Văn phòng Tổng cục có 04 phòng; Cục Kiểm lâm có Văn phòng, 03 phòng, Đội Kiểm lâm đặc nhiệm và 04 Chi cục Kiểm lâm vùng.

Điều 4. Lãnh đạo Tổng cục

1. Tổng cục Lâm nghiệp có Tổng cục trưởng và không quá 04 Phó Tổng cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Tổng cục. Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các tổ chức trực thuộc Tổng cục; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc Tổng cục theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 8 năm 2017.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 59/2014/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

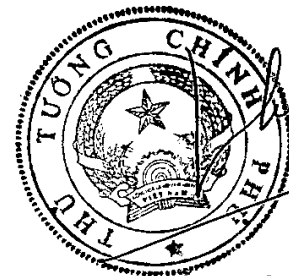
Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2). *xh 205*

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc